

Exercise (Unit 1+2)

1. Nói từ còn thiếu vào chỗ trống: (Bấm vào ô trống sau đó phát âm)

 _____ /'mʌn.deɪ/ : Thứ hai

 _____ /'tuːz.deɪ/ : Thứ ba

 _____ /'wenz.deɪ/ : Thứ tư

 _____ /'θɜːz.deɪ/ : Thứ năm

 _____ /'fraɪ.deɪ/ : Thứ sáu

 _____ /'sæt.ə.deɪ/ : Thứ bảy

 _____ /'sʌn.deɪ/ : Chủ nhật

2. Xếp hình phía dưới vào từ đúng: (Bấm vào từ để nghe phát âm)

Music room	Friend	Teacher	Playground	Classroom



Piano	Guitar	Seesaw	Microphone	Drum



School bus	Slide	Swing	Sandbox



3. Chọn đáp án đúng:

1- What is it?



Playground

Sandbox

School bus

2- Who is this?



Student

Teacher

Friend

3- What is it?



Slide

Seesaw

Swing

4- Who is this?



Friend

Teacher

Sandbox

5- What is it?



Piano

Drum

Guitar